

Giáo án Tiếng Việt lớp 1 bài 4: O, ô**BÀI 4: o, ô****I. MỤC TIÊU:****1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **o, ô**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **o, ô** với các mô hình “âm đầu + âm chính”: **co, cô**.
- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **o**, âm **ô**
- Biết viết trên bảng con các chữ **o** và **ô** và tiếng **co, cô**.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khởi gợi tình yêu thiên nhiên.
- Khởi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. CHUẨN BỊ:

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.
- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập 4.
- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 5 (tập viết).
- Vở Bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**Tiết 1**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút)	

- Ôn định - Kiểm tra bài cũ: + GV mời HS đọc, viết a, c + GV nhận xét - Giới thiệu bài: Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài đầu tiên: âm o và chữ o; âm ô và chữ ô. - GV ghi chữ o, nói: o - GV ghi chữ ô, nói: ô - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS	- Hát - HS đọc, viết - Lắng nghe - 4-5 em, cả lớp: o - Cá nhân, cả lớp: ô
2. Các hoạt động chủ yếu. Hoạt động 1. Khám phá Mục tiêu: HS nhận biết các âm và chữ cái o, ô; đánh vần đúng tiếng có mô hình “âm đầu-âm chính”: co, cô	
a. Dạy âm o, chữ o. - GV đưa lên bảng hình ảnh HS kéo co  - Đây là trò chơi gì?	- HS quan sát - HS: Đây là trò chơi kéo co

- GV chỉ tiếng **co**

- GV nhận xét

- GV chỉ tiếng ca và mô hình tiếng co

co	
c	o

- GV hỏi: Tiếng **co** gồm những âm nào?

* *Đánh vần.*

- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:

+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **co**

+ Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **cờ**

+ Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **o**

+ Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **co**.

- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: **cờ-o-co**.

- HS nhận biết **c, o = co**

- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **co**

- HS quan sát

- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **co** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm **c** đứng trước và âm **o** đứng sau.

- Quan sát và cùng làm với GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV theo từng

	tổ. - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: cờ- o-co, co - Cả lớp đánh vần: cờ- o-co, co				
b. Dạy âm ô, chữ ô. - GV đưa lên bảng hình cô giáo  - Đây là hình ai? - GV chỉ tiếng cô - GV nhận xét - GV chỉ tiếng ca và mô hình tiếng co <table border="1" data-bbox="191 1241 393 1409"> <tr> <td colspan="2">cô</td> </tr> <tr> <td>c</td> <td>ô</td> </tr> </table> - GV hỏi: Tiếng cô gồm những âm nào? <i>* Đánh vần.</i> - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:	cô		c	ô	- HS quan sát - HS: Đây là cô giáo - HS nhận biết c, ô = cô - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: cô - HS quan sát - HS trả lời nối tiếp: Tiếng cô gồm có âm c và âm ô. Âm c đứng trước và âm ô đứng sau. - Quan sát và cùng làm với GV
cô					
c	ô				

+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: cô + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: cờ + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ô + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: co. - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: cờ-ô-cô. 	- HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ. - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: cờ-ô-cô - Cả lớp đánh vần: cờ- ô-cô, cô - Chữ o và chữ ô - Tiếng co, cô - HS đánh vần, đọc trơn: cờ-o-co, co; cờ-ô-cô, cô
Hoạt động 2. Luyện tập	

Mục tiêu: Tự phát hiện và phát âm được tiếng có âm **o**, âm **ô**; tìm được chữ **o**, chữ **ô** trong bộ chữ.

2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: vừa nói tiếng có âm o vừa vỗ tay.)

a. Xác định yêu cầu

- GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 12 (GV giơ sách mở trang 6 cho HS quan sát) rồi nói và vỗ tay tiếng có âm **o**. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **o**.

b. Nói tên sự vật

- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng con vật.

- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật.

- Cho HS làm bài trong vở Bài tập

c. Tìm tiếng có âm a.

- GV làm mẫu:

+ GV chỉ hình cò gọi học sinh nói tên con vật.

+ GV chỉ hình dê gọi học sinh nói tên con vật.

* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm **o** thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS

- Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 6.

- HS lần lượt nói tên từng con cò, thỏ, dê, nho, mỏ, gà, cò.

- HS nói đồng thanh

- HS làm cá nhân nối **o** với từng hình chứa tiếng có âm **o** trong vở bài tập

- HS nói to và vỗ tay: cò (vì tiếng cò có âm **o**)

- HS nói mà không vỗ tay (vì tiếng dê không có âm **o**)

phát hiện ra.

d. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.

- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả

- GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.

- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **o** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)

+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói + vỗ tay: **cò**

+ HS1 chỉ hình 2- HS2 nói + vỗ tay: **thỏ**

+ HS1 chỉ hình 3- HS2 nói không vỗ tay: **dê**

+ HS1 chỉ hình 4- HS2 nói + vỗ tay: **nhỏ**

+ HS1 chỉ hình 5- HS2 nói + vỗ tay: **mỏ**

+ HS1 chỉ hình 6- HS2 nói không vỗ tay: **gà**

- HS báo cáo cá nhân

- HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm **o**, nói thầm tiếng không có âm **o**.

- HS nói (bọ, xò, bò,...)

2.2. Mở rộng vốn từ. (Bài tập 3: Tìm tiếng có âm ô.

a. Xác định yêu cầu của bài tập

- GV nêu yêu cầu bài tập: Vừa nói to tiếng có âm **ô** vừa vỗ tay. Nói không vỗ tay tiếng không có âm **ô**.

- HS theo dõi

b. Nói tên sự vật

- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng con vật, đồ vật.
- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên từng sự vật.
- Cho HS làm bài trong vở Bài tập

c. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.



- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời

- HS lần lượt nói tên từng con vật: *hổ, ố, rồ, đế, hồ, xô.*
- HS nói đồng thanh (nói + vỗ tay, nói không vỗ tay)
- HS làm cá nhân nói **ô** với từng hình chứa tiếng có âm **ô** trong vở bài tập.

+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to: **hổ** vỗ tay 1 cái

+ HS1 chỉ hình 2- HS2 nói **ố** vỗ tay 1 cái.

+ HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: **rồ** vỗ tay 1 cái.

+ HS1 chỉ hình 4- HS2 nói: **đế** mà không vỗ tay.

+ HS1 chỉ hình 5- HS2 nói to: **hồ** vỗ tay 1 cái.

+ HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: **xô** vỗ tay 1 cái

- HS báo cáo cá nhân

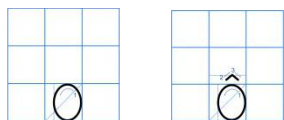
học sinh báo cáo kết quả - GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói. - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm c (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)	- HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm ô, nói thầm tiếng không có âm ô. - HS nói (ô, bố, cổ...)
2.3. Tìm chữ o, chữ ô (Bài tập 5) <i>a) Giới thiệu chữ o, chữ ô</i> - GV giới thiệu chữ a, chữ c in thường: Các em vừa học âm o và âm ô. Âm o được ghi bằng chữ ô. Âm o được ghi bằng chữ o - mẫu chữ ở dưới chân trang 12. - GV giới thiệu chữ O, chữ Ô in hoa dưới chân trang 13. <i>b. Tìm chữ o, chữ ô trong bộ chữ</i> - GV gắn lên bảng hình minh họa BT 5 và giới thiệu tình huống: Bi và Hà cùng đi tìm chữ o và chữ ô giữa các thẻ chữ. Hà và Bi chưa tìm thấy chữ nào. Các em cùng với 2 bạn đi tìm chữ o và chữ ô nhé. * GV cho HS tìm chữ o trong bộ chữ	- Lắng nghe và quan sát - Lắng nghe và quan sát - HS lắng nghe

- GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng - Cho học sinh nhắc lại tên chữ * GV cho HS tìm chữ ô trong bộ chữ - GV kiểm tra kết quả, khen HS đúng - Cho học sinh nhắc lại tên chữ * Cho HS làm việc cá nhân khoanh vào chữ o trong bài tập 5 VBT	- HS làm cá nhân tìm chữ o rồi cài vào bảng cài. - HS giơ bảng - HS đọc tên chữ - HS làm cá nhân tìm chữ ô rồi cài vào bảng cài. - HS giơ bảng - HS đọc tên chữ * Làm bài cá nhân
Tiết 3	
2.4. Tập viết (Bảng con – BT 6) - GV cho cả lớp đọc lại 2 trang vừa học <i>a. Chuẩn bị.</i> - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phần khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để	- HS đánh vần: cờ-a-ca - HS đọc trơn ca - HS nói lại tên các con vật, sự vật - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phần theo yc của GV

tránh bụi.

b. Làm mẫu.

- GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **o**, **ô** cỡ vừa.



- GV chỉ bảng chữ **o**, **ô**.

- GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết:

+ Chữ **o**: Cao 2 li, rộng 1,5 li chỉ gồm 1 nét cong kín. Đặt bút ở phía dưới ĐK 3, viết nét cong kín (từ phải sang trái), dừng bút ở điểm xuất phát.

+ Chữ **ô**: viết nét 1 như chữ **o**, nét 2, 3 là hai nét thẳng xiên ngắn (trái – phải) chụm đầu vào nhau tạo thành dấu mũ (^).

+ Tiếng **co**: viết chữ **c** trước chữ **o** sau, chú ý nối giữa chữ **c** với chữ **o**.

+ Tiếng **cô**: viết tiếng **co**, thêm dấu mũ trên chữ **o** để thành tiếng **cô**.

c. Thực hành viết

- Cho HS viết trên khoảng không

- HS theo dõi

- HS đọc

- HS theo dõi

- HS viết chữ **o**, **ô** và tiếng **co**, **cô** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.

- HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ

- Cho HS viết bảng con <i>d. Báo cáo kết quả</i> - GV yêu cầu HS giơ bảng con - GV nhận xét - Cho HS viết chữ co, cô - GV nhận xét	o, ô, co, cô từ 2-3 lần. - HS giơ bảng theo hiệu lệnh. - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp - HS khác nhận xét - HS xóa bảng viết tiếng co, cô 2-3 lần - HS giơ bảng theo hiệu lệnh. - HS khác nhận xét
3. Hoạt động nối tiếp. - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 2 - GV khuyến khích HS tập viết chữ o, ô trên bảng con	- Lắng nghe

Tham khảo: <https://vndoc.com/giao-an-sach-canh-dieu>